

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-PT

Ngày: 24/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Khoa

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Viên

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Trần Thị Kim Liên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

nguyên đơn: Bà Trần Thanh H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ tạm trú: 020 Lô H Cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thanh H: Bà Phan Thị Minh C – Luật sư Văn phòng L – Chi nhánh D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số D đường T, khu trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt khi xét xử và vắng mặt khi tuyên án.

- Bị đơn: Bà Cao Thị Hồng H1, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số I đường N, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Cao Thị Hồng H1: Ông Đào Thanh T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Tổ H, Xóm Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt khi xét xử và có đơn xin vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thanh H trình bày:

Bà Trần Thanh H có mối quan hệ quen biết với bà Cao Thị Hồng H1 vào khoảng thời gian năm 2017, 2018. Tại thời điểm này, bà H1 có địa chỉ tại tổ A

Đ, phường V, thành phố N; chỗ ở tại N T, phường P, thành phố N. Do quen biết và tin tưởng nên bà H đã cho bà H1 vay số tiền 14.000.000.000 đồng. Khi vay tiền bà H1 nói vay để đầu tư dự án. Đồng thời, bà H1 tạo niềm tin bằng cách nói rằng chồng bà H1 là Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự tỉnh K có nhiều mối quan hệ đầu tư có lợi nhuận cao. Vì tin tưởng nên bà H đã cho bà H1 vay tiền. Khi vay tiền hai bên có lập văn bản là giấy vay tiền ngày 22/11/2018; số tiền vay 14 tỷ đồng; thời hạn vay từ ngày 22/11/2018 đến 15/01/2019; phương thức vay bằng chuyển khoản và tiền mặt. Bên cho vay (bà H) chuyển khoản cho bên vay (bà H1) theo 2 số tài khoản của bên cho vay là 8000135625007 mở tại Ngân hàng Q chi nhánh K và của bên vay là 8000108913001 mở tại Ngân hàng Q chi nhánh T1 tại Hà Nội; thời gian chuyển khoản từ ngày 22/11/2018 đến ngày 15/01/2019. Cụ thể số tiền chuyển khoản bao nhiêu và giao tiền mặt bao nhiêu thì bà H không nhớ. Theo bà H vấn đề này không cần thiết. Bà H1 đã ký xác nhận vào giấy nợ với số tiền 14 tỷ đồng nên bà H1 phải trả cho bà H theo giấy vay tiền. Bà H đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H1 vẫn khát nợ. Nay bà H yêu cầu bà H1 phải trả cho bà H số tiền gốc 14 tỷ đồng và toàn bộ tiền lãi theo lãi suất ngân hàng N kể từ ngày 22/11/2018 cho đến nay. Về giấy vay tiền bản chính hiện tại bà H vẫn giữ, bà H chỉ giao nộp cho Tòa án bản photo. Mặc dù bà H đã nhận được thông báo của Tòa án về việc giao nộp bản chính, tuy nhiên bà H không giao nộp cho Tòa án giấy vay tiền bản chính là vì bà H có lý do riêng của mình.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày:

Bà Trần Thanh H cho rằng đã cho bà Cao Thị Hồng H1 vay số tiền 14 tỷ đồng theo giấy vay tiền ngày 22/11/2018; thời hạn vay từ ngày 22/11/2018 đến ngày 15/01/2019 là không đúng, bà H1 không đồng ý với ý kiến của bà H. Bà H là người khởi kiện thì phải có nghĩa vụ chứng minh về việc cho vay tiền. Cụ thể, theo giấy vay tiền thì thời hạn vay và phương thức vay là bên A (bà H) chuyển khoản cho bên B (bà H1) tính từ ngày 22/11/2018 đến 15/01/2019; thời hạn vay kể từ ngày 22/11/2018 đến 15/01/2019. Như vậy, bà H phải chứng minh rằng bà H đã chuyển tiền cho bà H1 trong khoảng thời hạn theo thỏa thuận này.

Tuy nhiên, bà H đã không chứng minh được việc chuyển tiền cho bà H1. Tài liệu là giấy vay tiền mà bà H giao nộp cho Tòa án là bản photo không phải là bản chính. Bà H1 xác nhận không phải chữ ký, chữ viết của bà H1 tại giấy vay tiền và bà H1 đã có đơn yêu cầu giám định. Tại phiên tòa bà H vẫn khẳng định đang giữ bản chính và không giao nộp cho Tòa án bản chính. Như vậy, bà H đã không chứng minh được có việc xác lập giấy vay tiền giữa bà H với bà H1 hay không. Đối chiếu với Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tài liệu giấy vay tiền bản photo mà bà H đã giao nộp cho Tòa án không được xem là chứng cứ. Bà H cho rằng đã chuyển khoản cho bà H1 trong khoảng năm 2017 và 2018. Bà H1 không đồng ý với ý kiến này vì thời gian thỏa thuận trong giấy vay tiền là từ ngày 22/11/2018 đến ngày 15/01/2019. Về việc này bà H1 đã yêu cầu sao kê tài liệu tại Ngân hàng Q từ ngày 13/01/2018 đến ngày 3/12/2018 (theo tài khoản số 0050118896677 của bà H và tài khoản số 8000108913001 của bà H1) thì tổng

số tiền bà H chuyển cho bà H1 là 41.610.000.000 đồng, tổng số tiền bà H1 chuyển cho bà H là 46.820.000.000 đồng.

Như vậy số tiền bà H đã nhận của bà H1 nhiều hơn số tiền bà H1 đã nhận của bà H là 5.210.000.000 đồng. Bà H1 không đồng ý trả cho bà H số tiền 14 tỷ tiền gốc và toàn bộ tiền lãi theo yêu cầu của bà H. Bà H1 cũng không yêu cầu bà H phải hoàn trả cho bà H1 số tiền 5.210.000.000 đồng. Ngoài ra bà H1 cũng không có yêu cầu gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Tuyên xử*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh H về việc buộc bị đơn bà Cao Thị Hồng H1 phải trả số tiền 14 tỷ đồng tiền gốc và toàn bộ tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng N tính từ ngày 22/11/2018 cho đến ngày 14/3/2022, cho nguyên đơn bà Trần Thanh H.

2. *Về án phí*: Bà Trần Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 122.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 61.000.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0016963 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Nguyên đơn bà Trần Thanh H còn phải nộp 61.000.000 đồng (*Sáu mươi một triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần quy định thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2022, nguyên đơn bà Trần Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà H1 cho rằng khoản tiền nợ 14 tỷ đồng này là các khoản vay từ trước ngày 22/11/2018 và đến ngày 22/11/2018 thì bà H1 và bà H mới viết giấy vay tiền. Nguyên đơn cung cấp 02 biên lai ủy nhiệm chi ngày 29/10/2018 và ngày 30/10/2018 thể hiện nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn 9,7 tỷ đồng và xác nhận bị đơn đã trả 5,5 tỷ đồng nên yêu cầu bị đơn trả số tiền 4,2 tỷ đồng.

Nhận thấy, theo 02 biên lai ủy nhiệm chi ngày 29/10/2018 và 30/10/2018 thì nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn số tiền 9,7 tỷ đồng. Hai biên lai ủy nhiệm chi này không nằm trong khoảng thời gian nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận tại giấy

vay tiền ngày 22/11/2018 và 02 khoản tiền này của nguyên đơn không được bị đơn chấp nhận, trình bày của nguyên đơn không phù hợp với điều 2 của giấy vay tiền ngày 22/11/2018 nên không có cơ sở xem xét.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2020, bà H không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 14 tỷ đồng cho bà H1 vay nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang lại không chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất của bà H và không tính án phí đối với số tiền này nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thanh H và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thanh H được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang nhận ngày 29/3/2022 trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Đối tượng tranh chấp là khoản vay 14 tỷ đồng theo giấy vay tiền ngày 22/11/2018. Nội dung thỏa thuận theo giấy vay tiền này là bên cho vay bà Trần Thanh H (Bên A) cho bên vay bà Cao Thị Hồng H1 (Bên B) vay số tiền 14 tỷ đồng. Thời hạn và phương thức vay là bên A sử dụng hai số tài khoản 0050118896677 và 8000135625007 để chuyển tiền đến số tài khoản 8000108913001 cho bên B. Thời gian chuyển tiền từ ngày 22/11/2018 đến ngày 15/01/2019. Lãi suất do hai bên thỏa thuận. Bà Trần Thanh H cho rằng bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khởi kiện.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các giao dịch chuyển tiền giữa hai số tài khoản 0050118896677 và 8000135625007 đến số tài khoản 8000108913001 đều thực hiện trước ngày hai bên ghi giấy vay tiền. Trong khoảng thời gian ngày 22/11/2018 đến ngày 15/01/2019 không phát sinh giao dịch chuyển tiền giữa các tài khoản đã nêu. Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc chuyển tiền qua tài khoản đã nêu cho bị đơn theo thời gian đã thỏa thuận trong giấy vay tiền, cũng như tài liệu về việc giao nhận tiền mặt giữa hai bên.

Nguyên đơn cho rằng, giấy vay tiền ngày 22/11/2018 thực chất là sự thỏa thuận giữa bà và bà H1 nhằm hợp thức các khoản vay thời gian trước đó thông qua chuyển tiền từ tài khoản số 0050118896677 và số 8000135625007 đến tài khoản số 8000108913001 hoặc đưa trực tiếp bằng tiền mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy giấy vay tiền ngày 22/11/2018 không có nội dung thỏa thuận như nguyên đơn

trình bày, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không thừa nhận có việc thỏa thuận như này, do đó, không có căn cứ để cho rằng giấy vay nợ này là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên trong việc giải quyết các khoản nợ trước đó như nguyên đơn đã nêu.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi số tiền yêu cầu bị đơn trả từ 14 tỷ đồng còn 4,2 tỷ đồng. Nguyên đơn cung cấp 02 biên lai ủy nhiệm chi ngày 29/10/2018 và ngày 30/10/2018 số tiền chuyển cho bị đơn 9,7 tỷ đồng và xác nhận bị đơn đã trả 5,5 tỷ đồng nên yêu cầu bị đơn trả 4,2 tỷ đồng. Hai biên lai ủy nhiệm chi này không nằm trong khoảng thời gian nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 22/11/2018 và bị đơn cũng không chấp nhận trả số tiền như nguyên đơn yêu cầu, do đó, nguyên đơn dùng hai biên lai này để chứng minh cho khoản vay theo giấy vay tiền ngày 22/11/2018 là không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2020, bà H không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 14 tỷ đồng cho bà H1 vay nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang nhận định không chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất của bà H và không tính án phí đối với số tiền lãi là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Trần Thanh H phải nộp án phí đối với số tiền không được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

1. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 14/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh H về việc buộc bị đơn bà Cao Thị Hồng H1 phải trả số tiền 14.000.000.000 (mười bốn tỷ) đồng.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thanh H phải nộp 122.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng án phí bà Trần Thanh H phải nộp là 122.300.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 61.000.000 đồng (*Sáu mươi một triệu đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0016963 ngày 30/6/2020 và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2021/0001483 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Trần Thanh H còn phải nộp 61.000.000 đồng (*Sáu mươi một triệu đồng*).

* Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Lưu: hồ sơ, VP, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Khoa